

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 248/2020/DS-PT

Ngày: 20/7/2020

V/v “*tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Trung.

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thanh Phong

Ông Nguyễn Song Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Hậu Mộng Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2020/TLPT-DS ngày 22/6/2020 về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2020/DSST ngày 17/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 363/2020/QĐ-PT ngày 23/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện G, tỉnh T.

Bị đơn: Chị Cao Thị Ngọc H2, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện G, tỉnh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Cao Thị Ngọc S, sinh năm 1953

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện G, tỉnh T.

- Người kháng cáo: bị đơn bà Cao Thị Ngọc H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

*** Nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:**

Ngày 01/8/ 2017, chị H cho chị H2 vay 250.000.000 đồng, có làm giấy viết tay, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, hẹn đến ngày 01/8/2018 trả tiền, nhưng cho đến nay chị H2 trả được số tiền vốn 65.000.000 đồng; đồng thời chị H2 có trả số tiền lãi 45.000.000 đồng, nhưng không có làm biên nhận, giấy tờ gì. Hiện nay chị H2 còn nợ chị H 185.000.000 đồng. Chị H nhiều lần yêu cầu chị H2 và bà S là mẹ của chị H2 trả tiền, nhưng không trả. Trong thời gian vay tiền chị H2 chỉ có trả cho chị H được 45.000.000 đồng tiền lãi, chị H2 không có trả số tiền lãi 240.400.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị H yêu cầu chị H2 và bà S liên đới trả cho chị H 185.000.000 đồng, không tính lãi; trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Chị H không đồng ý chị H2 trả dần tiền. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn chị Cao Thị Ngọc H2 trình bày:*

Năm 2016, chị H2 nhiều lần vay tiền của chị H tổng cộng 250.000.000 đồng; đến ngày 01/8/ 2017 làm giấy viết tay, lãi suất 8%/tháng. Trong thời gian vay tiền, chị H2 có trả được cho chị H tiền vốn 65.000.000 đồng và tiền lãi là 240.400.000 đồng, nhưng không có làm biên nhận, giấy tờ gì.

Tại phiên tòa, chị H2 đồng ý trả cho chị H 185.000.000 đồng, trả dần tiền mỗi tháng 1.000.000 đồng; thời gian trả tiền tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết nợ. Chị H2 yêu cầu xem xét lại số tiền lãi 240.400.000 đồng đã trả cho chị H.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị Ngọc S trình bày:*

Bà S là mẹ ruột chị H2, bà S không có vay tiền của chị H; không đồng ý liên đới với chị H2 trả tiền cho chị H.

Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2020/DS-ST ngày 17/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T áp dụng Điều 463, 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

- Buộc chị Cao Thị Ngọc H2 có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị H số tiền 185.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi lăm triệu đồng*); trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về phần án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/3/2020 bị đơn chị Cao Thị Ngọc H2 có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm số 32/2020/DS-ST ngày 17/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xét xử cho chị được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đối với số tiền 185.000.000 đồng đến khi hết nợ và xem xét miễn giảm tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn Cao Thị Ngọc H2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được trả số tiền nợ 185.000.000 đồng, trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin xem xét miễn giảm tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Lê Thị H không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi chị H2 trả số tiền 185.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T tại phiên tòa phát biểu ý kiến:*

+ Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu kháng cáo của bị đơn H2 là không có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không

chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đối với yêu cầu xem xét miễn giảm án phí của chị H2 không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, nên yêu cầu xin giảm án phí của chị H2 không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của chị Cao Thị Ngọc H2 nộp ghi ngày 02/3/2020 còn trong hạn luật định và hợp lệ đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng qui định pháp luật.

[3] Bị đơn Cao Thị Ngọc H2 thừa nhận còn thiếu chị Lê Thị H số tiền vốn 185.000.000 đồng và đồng ý trả cho chị H 185.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị đơn H2 có trách nhiệm trả cho chị H số tiền 185.000.000 đồng là có cơ sở phù hợp Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo của chị Cao Thị Ngọc H2.

[4.1] Về nội dung kháng cáo xin trả nợ dần của chị H2: Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị H2 thừa nhận số tiền nợ 185.000.000 đồng và chị H2 kháng cáo xin được trả dần số tiền trên cho chị H mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ. Với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn. Xét thấy, giữa chị H và chị H2 có xác lập quan hệ vay tiền vào ngày 01/8/2017, số tiền vay 250.000.000 đồng, thời hạn trả tiền là 12 tháng, sau khi vay chị H2 chỉ trả một phần tiền vốn, số tiền vốn còn lại là 185.000.000 đồng đến nay chưa trả được, việc chị H2 vi phạm nghĩa vụ trả tiền làm thiệt thòi đến quyền lợi của chị H. Nay chị H2 kháng cáo xin trả số nợ 185.000.000 đồng làm nhiều lần, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng không được phía chị H đồng ý. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H2.

[4.2] Về nội dung kháng cáo xin miễn giảm án phí của chị H2: Chị H2 yêu cầu xin được miễn giảm án phí dân sự sơ thẩm lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản chỉ đi làm thuê. Hội đồng xét xử nhận thấy: Nội dung đơn xin miễn giảm án phí của chị H2 không thuộc trường hợp “Người gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú thì được Tòa án giảm 50% mức tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án mà người đó phải nộp” được quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa

án, tại phiên tòa phúc thẩm chị H2 không có bổ sung chứng cứ mới về hoàn cảnh khó khăn của chị H2 thuộc trường hợp nêu trên nên không có cơ sở chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Cao Thị Ngọc H2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị Cao Thị Ngọc H2 không được chấp nhận nên chị H2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463, 466; khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Cao Thị Ngọc H2.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 32/2020/DS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân G, tỉnh Tiền Giang.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

Buộc chị Cao Thị Ngọc H2 có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị H số tiền 185.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi lăm triệu đồng*); trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm: phải chịu 9.250.000 đồng

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Chị H2 phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016375 ngày 02/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang,

+ Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 4.625.000 đồng theo biên lai thu số 0016234 ngày 20/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, nên hoàn lại cho chị H 4.325.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh T;
- TAND huyện G;
- THADS huyện G;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2020-T

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Trung